TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Con đường hoằng hóa qua Pháp môn Tín Nguyện Hạnh

ISSN: 2734-9195 16:25 25/10/2025

Nghiên cứu cũng tìm kiếm sự tương đồng và dung hợp giữa pháp môn niệm Phật với hệ thống giáo lý trong tạng Nikaya, nhằm củng cố niềm tin vững chắc nơi phật tử.

Phật giáo từ lâu đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống văn hóa và tâm linh của người Việt. Trong đó, pháp môn niệm Phật gắn liền với tượng đức Phật A Di Đà đã đi sâu vào lòng tín đồ qua từng câu niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Có không ít thảo luận và hoài nghi xoay quanh vấn đề: **Đức Phật A Di Đà** có thật hay chỉ là hình tượng do tín ngưỡng Trung Quốc sáng tạo?

Kinh A Di Đà thực sự được đức Phật Thích Ca thuyết? Sao không tìm thấy bản kinh trong bộ Nikaya?

Xuất phát từ thực tế đó, bài nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu làm rõ tính nhất quán tư tưởng trong pháp môn niệm Phật, từ giáo lý về cảnh giới Tây phương, phương pháp tu tập, cho đến đoạn trừ phiền não. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm kiếm sự tương đồng và dung hợp giữa pháp môn niệm Phật với hệ thống giáo lý trong tạng Nikaya, nhằm củng cố niềm tin vững chắc nơi phật tử.

Bằng phương pháp nền tảng nghiên cứu lịch sử, phân tích và so sánh, người viết mong muốn không chỉ định hướng con đường tu học cho bản thân mà còn giúp những ai hữu duyên có một cái nhìn đúng, sâu sắc hơn về giáo pháp, tránh rơi vào ngộ nhận mà suy giảm tín tâm trên hành trình tu tập.

Từ khóa: Tín nguyện hạnh, giáo dục, tịnh độ.

Pháp môn niệm Phật – Sự tiếp nối hạnh nguyện độ sinh của đức Phật Thích Ca

Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn, nhưng sự nghiệp hoằng pháp độ sinh của Ngài không vì thế mà chấm dứt. Chúng ta vẫn còn trầm luân trong bể đau khổ,

nghiệp chưa dứt khoát, căn lành chưa tròn. Liệu rằng có phải đức Phật chỉ độ thoát những ai có duyên trực tiếp với Ngài, còn những chúng sinh đời sau sẽ mãi mịt mờ không lối thoát? Hay chính vì tâm từ bi vô lượng mà Ngài đã mở ra vô số phương tiện thiện xảo, tùy căn cơ chúng sinh cao thấp mà hiển hiện các pháp không đồng nhưng quả vị không hai.

Bàn về pháp môn niệm Phật đồng nghĩa với việc phải đối mặt với nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ. Trước hết, cần xem xét về cảnh giới Tây phương - một nơi được mô tả là vô cùng thù thắng, thanh sạch đến những ai không có duyên khó tin tưởng vào sự tồn tại của nó. Chính vì vậy, việc xác định rõ bản chất của **Tây phương Cực Lạc** là điều cần thiết để tránh những hiểu lầm nối tiếp, những suy diễn chủ quan khiến giáo pháp bị chia thêm một lần nữa, làm mờ dần chủ đích ban đầu khi hướng đến thành Phật. Lịch sử Phật giáo từng chứng kiến sự phân chia bộ phái, mỗi truyền thống mang một định hướng riêng, làm mất đi tính chất nhất quán của giáo lý. Điều này không chỉ vô tình Phật giáo rơi vào thế bị động trước những biến đổi của thời đại mà còn tạo ra lỗ hổng cho các thế lực tranh luận bài xích. Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, khi các tông phái phát triển theo những cách riêng, không ít tu sĩ trẻ cảm thấy hoang mang, mất phương hướng, thậm chí thả trôi vì không biết nương tựa vào đâu để xây dựng quan điểm đúng. Nếu một thế hệ không được giáo dục căn bản nền tảng sẽ đưa Phật pháp dần xa rời với chính đạo mất đi kim chỉ nam của chính những người đệ tử Phật trên con đường hoằng hóa độ sinh.

Chính từ những nghi hoặc ban đầu nếu không được quyết nghi sẽ tăng dần thành thiên kiến sai lệch, dẫn đến những quan niệm sai lầm về giáo dục. Việc bảo vệ và duy trì Phật pháp không chỉ nằm trong lĩnh vực luật pháp mà còn cần phải hiểu biết chính xác về chân lý. Xuất phát từ tinh thần đó, bài nghiên cứu này sẽ tiếp tục thảo luận về sự tương đồng giữa phương pháp hành trì khái niệm của Tịnh Độ tông và các pháp tu, mục tiêu không cần phải so sánh hơn mà để tìm ra số mẫu chung, qua đó bỏ qua những chấp trước định nghĩa, hướng đến giải quyết tối hậu. Bằng cách đó, chúng ta có thể cảm nhận được từ bi vô hạn của đức Phật Thích Ca - dù đã nhập Niết Bàn nhưng vẫn mở ra con đường giải thoát cho chúng sinh qua giáo pháp niệm Phật và gửi gắm chúng sinh trong sự thương tưởng của đức Phật A Di Đà. Suy cho cùng, trí tuệ của Phật là đồng nhau, không thể dùng tâm thức hạn chế của người phàm để đo chuyển hay so sánh, để rồi vô tình đóng cánh cửa giải thoát của mình và người. *“Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật. Chính một pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”*[1]

Một trong những tranh cãi lớn nhất chính là luận cứ về tính xác thực của Kinh A Di Đà: Liệu kinh này có thực sự làm đức Phật tuyên thuyết hay không? Và tại sao lại không xuất hiện trong hệ thống kinh điển thuộc tính năm bộ Nikāya? Đây là một quan điểm sai lầm nếu chỉ dựa vào Nikāya để làm tiêu chuẩn duy nhất đánh giá tiến trình giáo dục. Bởi lẽ, kinh điển Nguyên thủy được viết lại bằng tiếng Pali - vốn chỉ là ngôn ngữ của miền Tây Ấn Độ, được truyền bá rộng rãi bởi Ngài Mahinda trong hệ Xích Đồng Diệp Bộ (Theravāda), vốn là một nhánh của Trưởng Lão Bộ (Sthaviravāda).

Thánh điển suy cho cùng cũng chỉ là một phương tiện ghi chép, phản ánh những mảnh ghép của giáo pháp chứ không phải chân lý tuyệt đối. Nếu "dĩ văn tải Đạo" lẽ dĩ nhiên không thể xem kinh văn là cứu cánh, mà chỉ là phương tiện giúp hành giả suy tư, thể nhập giáo lý, và cuối cùng đạt đến giải thoát thay vì khiến bản thân trở thành những con mọt hàng ngày gặm nhấm kho tàng kinh sách để thỏa mãn tham muốn khám phá, hư danh nơi con chữ.

Pháp môn niệm Phật cũng đồng nghĩa trong việc đối phó với nhiều vấn đề quan trọng cần được làm sáng tỏ. Trước hết, cần phải đến cảnh giới Tây phương Cực Lạc - một thế giới được mô tả là vô cùng thù thắng, thanh tịnh, trang nghiêm, đối ngược với thế giới khổ đau đủ thứ bất tịnh. *“Này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham nếu có liền bị tiêu diệt. Những pháp tạp uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt. Này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt”*[2].

Đối với những ai chưa đủ duyên, chưa từng gieo trồng thiện căn sâu dày, việc tin vào sự tồn tại của cõi giới này là điều không dễ dàng. Chính vì vậy, dù không thể lý giải, quyết nghi rõ ràng, từ đó tạo nên sự hoài nghi không chỉ về pháp môn Tịnh Độ mà còn làm ảnh hưởng đến niềm tin của phật tử đối với giáo pháp. Nhận định về Tịnh Độ còn dựa trên cái nhìn chủ quan, những tranh luận và chia rẽ giữa các tông phái sẽ không ngừng diễn ra âm thầm, khiến Phật giáo dần mất đi sự nhất quán trong chính lòng Tăng chúng và phật tử giữa biển pháp vô bờ.

Lịch sử Phật giáo đã từng trải qua quá trình phân chia bộ phái, mỗi truyền thống mang theo những quan điểm riêng biệt, dẫn đến sự khác biệt trong cách hành động và tu tập. Điều này không chỉ tạo ra những rào cản trong dung thông giáo lý mà còn vô tình đưa Phật giáo vào thế bị động trước những biến đổi của thời

đại. Đáng lo hơn, khi khoa học phát triển, trước công nghệ AI thông minh, một bộ phận tu sĩ trẻ đứng trước những quan điểm đa chiều mà trở nên hoang mang, mất phương hướng. Một số người không biết nương tựa vào đâu để xác lập đức tin, thậm chí còn rơi vào trạng thái hoài nghi, buông xuôi hoặc tự cô lập mình trong những quan điểm cứng nhắc. Nếu một thế hệ Phật tử không được giáo dục nền tảng, không được dẫn dắt trên con đường chính đạo, sẽ dễ dàng rơi vào mơ hồ trong chính Phật pháp, làm lui sụt lòng tin hiện tại và một tương lai vô minh cho chính mình lại dấn thân vào bước chân tiếp dắt cho người.

Sự nhầm lẫn và nhận thức về giải pháp giáo dục không chỉ phát hiện ra lỗ hổng của sự thiếu hiểu biết mà còn do tâm lý chấp thủ. Những quan điểm sai lệch, nếu không được giải quyết theo thời gian, sẽ dần dần trở thành thiên kiến sai rỗ, tạo nên người học Phật ngày càng xa rời bản chất chân thật của giáo pháp. Tóm lại, pháp môn niệm Phật không nằm ngoài mục tiêu nghiên cứu của Phật giáo, đó là chấm dứt khổ đau và đạt đến giải thoát tuyệt đối *"Này các Tỷ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như nay, Ta đã sống vì lợi lạc của cõi đời"*[3].

Niệm Phật, sự chuyển hóa nội tâm và cảnh giới của thiện tâm, giải thoát quy tâm

Nhiều người cho rằng Cực Lạc là một thế giới huyễn hoặc, khó tin, nhưng nếu xét về mặt bản chất, nền tảng hình thành thì thế giới ấy không gì khác hơn

chính là thiện tâm và giải thoát tâm, một mô hình giáo dục lý tưởng dành riêng cho chư thượng thiện nhân.

Điều đáng nói hơn, cõi Cực Lạc không phải là một thế giới viễn tưởng chỉ tồn tại sau khi con người rời xa nhân gian, mà ngay trong cuộc sống hiện tại, nếu biết kiến lập, tạo môi trường lành mạnh, biết chọn bạn hiền, thì chính nơi đây cũng có thể là Tịnh Độ. Đức Phật từng dạy: "Tâm tịnh thì Phật tịnh".

Kinh Đại Thiện Kiến Vương (MAHÀ-SUDASSANA-SUTTANTA)[4]: Kinh đô Kusāvatī của vua Đại Thiện Kiến được miêu tả với bảy lớp tường thành, lan can và hàng cây, tất cả đều bằng vàng, bạc, ngọc bích và pha lê, thể hiện sự tráng lệ và giàu có tột bậc.

Cõi Tây Phương Cực Lạc: Cõi này được mô tả là nơi có vô lượng công đức, trang nghiêm đầy đủ, không có các khổ đau, ác thú hay ma não loạn.

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: Kusāvatī là kinh đô hưng thịnh, dân cư đông đúc, đầy đủ lương thực, như thiên giới, phản ánh một xã hội an lạc và phồn thịnh.

Cõi Tây Phương Cực Lạc: Được biết đến là cõi giới thanh tịnh, an lành, không có khổ đau, phiền não, nơi chúng sinh chỉ thọ nhận các điều vui.

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: Vua Đại Thiện Kiến sở hữu bảy báu vật, bao gồm Luân báu, Tượng báu, Mã báu, Ngọc báu, Nữ báu, Gia chủ báu và Điện hạ báu, thể hiện sự hoàn hảo và đầy đủ của một vị Chuyển Luân Vương.

Cõi Tây Phương Cực Lạc: Ở thế giới Cực Lạc, khi gió lay động các hàng cây báu cùng những tấm lưới báu, liền phát ra âm thanh vi diệu, giống như trăm ngàn tiếng nhạc đồng thời vang lên, giúp chúng sinh tự nhiên sinh tâm nhớ nghĩ đến Phật, Pháp và Tăng.Điều này cho thấy cảnh giới Cực Lạc không hoàn toàn nằm ngoài tầm với, mà bản chất của nó chính là một thế giới lý tưởng, ưng hợp với mong ước chúng sinh cõi Ta bà uế trược.

Trước khi vào Niết Bàn, đức Phật đã chọn Sala rừng tại Kusinarađại Niết Bàn bởi Kusinara từng là kinh đô huy hoàng của vua Đại Thiện Kiến, mang bóng của một Cực Lạc Nhân gian.

Việc lựa chọn Kusinara không chỉ là một sự ngẫu nhiên mà chính là một sự giảng dạy duy nhất về con đường trở về, ngay trong hiện tại, không ở đâu xa.

“Thị chư chúng điểu trú dạ lục thời xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn xướng Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ-đề phần, Bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sinh văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”[5]. Mọi âm

thanh trong cõi ấy đều tạo ra chúng sinh khởi tâm hướng thiện, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Điều này lập luận hoàn toàn trái ngược với cõi Ta Bà đầy dẫy những thanh âm phiền não, thêm lớn ba độc.

Bản chất của Cực Lạc chính là môi trường giúp người tu hành dễ dàng đạt được giác ngộ. Trong xã hội hiện đại, nơi tràn đầy những cám dỗ và cản trở, việc tìm kiếm một môi trường như thế là điều vô cùng quan trọng. Thế giới Cực Lạc, hiểu đúng bản ý của đức Phật, không phải là một nơi xa vời mà ta chỉ có thể đến sau khi chết, mà chính là một môi trường tu tập lý tưởng giúp chúng sinh giải thoát khỏi sinh tử luân hồi vượt ra khỏi thế giới Ta Bà đầy đau khổ. Phật cũng khẳng định rằng nếu họ sinh nhất tâm niệm danh hiệu Phật, hướng về giác ngộ và bản thể thanh sạch của chính mình, thì sẽ có cơ hội đạt đến cảnh giới này. Khi đó, mọi sự phân biệt giữa khái niệm năng sở đều tan biến, hòa nhập vào pháp giới. *"Với người tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sinh được sinh khởi, và các pháp bất thiện đã sinh được đoạn tận"*[6].

Ngày nay, khi khoa học ngày càng phát triển và công nghệ hiện đại, việc khám phá, về một thế giới phương Tây Cực Lạc vẫn còn là bài toán chưa tìm được đáp án. Tuy nhiên, trong giáo pháp, điều quan trọng nhất vẫn là giải thoát. Chính vì thế, tín nguyện hạnh là yếu chỉ cốt lõi đưa hành giả trở về tính giác: *"Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật"*[7].

Trong suốt lịch sử, Phật giáo luôn phải đối mặt với những người bài xích, như Hàn Dũ, người từng công khai phản phá đạo Phật, hay những người cố chấp chỉ muốn đề cao một tư tưởng nhất định. Nhưng nguy hiểm hơn cả là những người mang danh Phật tử nhưng lại mải mê tìm kiếm giải thoát qua hình tướng, biểu tượng để tự mâu thuẫn từ bên trong, như câu nói: *"Sư tử trung trùng thực sư tử nhục"*[8].

Kinh Tương Ưng bộ có đề cao: *"Nếu Tỷ-kheo quán sinh diệt trong ý căn, vị ấy nhàm chán đối với ý căn. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát".Vị ấy biết rõ rằng: Sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*[9]. Dù là niệm Phật hay thực hành Tứ Niệm Xứ, cả hai đều là những con đường đưa đến giải thoát. Tứ Niệm Xứ bao gồm quán niệm về thân, thọ, tâm và pháp, trong khi niệm Phật là nhớ nghĩ về ân đức Tam Bảo. Cả hai đều giúp hành giả nhận biết bộ mặt của tham, sân, si, hiểu ra bản chất tạm thời của thế gian và an cư trong chính niệm.

Niệm Phật là phương pháp dễ thực hành, phù hợp cho cả người sơ cơ. Khi niệm Phật, hành giả có thể phối hợp theo từng bước đi, theo nhịp thở, hay theo tiếng niệm hòa nhã, tăng dần tạo thành dòng ý niệm liên tục. Vì vậy, tâm sẽ không được chi phối bởi ước vọng hay khái niệm. Bản chất của niệm Phật cũng tương đồng với các nguyên tắc trong điển kinh Nikaya, vốn đề cao sự trì các căn bản: *"Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thành tựu pháp và thuận pháp.... Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại"*[10].

Nếu Tứ Niệm Xứ hỏi quán chiếu sâu xa để nhận ra bản chất vô thường thì niệm Phật là con đường thẳng tắp hướng đến giác ngộ. Phương pháp này bao hàm những yếu nghĩa căn bản của Tứ Đế, nhân duyên, vô thường, vô ngã, giúp hành giả giữ vững niệm và không bị lạc đường. Khi tâm tán loạn, hành giả có thể niệm Phật lớn tiếng để trấn áp vọng tưởng, hay niệm theo giai điệu nhẹ nhàng để an trú, mỗi mỗi đều rõ biết. *"Này các Hiền giả, Thánh đệ tử niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Này chư Hiền giả, trong khi Thánh đệ tử niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối, trong khi ấy, tâm được chính trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham"*[11].

Các chứng cứ từ kinh điển Pali cho thấy rằng pháp môn niệm Phật đã xuất hiện từ thời đức Phật tại thế. Mặc dù có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng phải đến Trung Quốc, pháp môn này mới phát triển thành tông Tịnh Độ. Đức Phật Thích Ca luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của niệm Phật và dạy các phương pháp hành động cụ thể, giúp hành giả thảnh thơi, đạt được an lạc. Điều này cũng tương tự như hành giả tu tập Tứ Niệm Xứ, có thể đạt được sau một thời gian hành trì miên mật. Dù thực hành theo bất kỳ con đường nào, điểm đến cuối cùng vẫn là Giác ngộ và Niết Bàn. Qua những phân tích trên, có thể thấy rằng tư tưởng Phật giáo luôn thống nhất, không phân biệt tông phái, mà cùng hướng về mục tiêu chung: giải thoát và an lạc. Chính tinh thần hòa hợp và bình đẳng này đã giúp Phật giáo lan tỏa khắp thế giới, trở thành một con đường đưa chúng sinh thoát khỏi đau khổ và có vị trí ngang như đức Phật không khác.

Một trong những lợi ích lớn nhất của việc niệm Phật là khả năng chuyển hóa nội tâm. Khi một người liên tục trì niệm danh hiệu Phật, tâm họ sẽ dần trở nên tĩnh lặng, an lạc và bớt đi những vọng tưởng xao động. Quá trình này có thể được

giải thích theo nguyên lý tâm lý học hiện đại: khi một ý niệm được lặp đi lặp lại, nó sẽ hình thành thói quen và ảnh hưởng đến cấu trúc suy nghĩ của con người.

Trong Phật giáo, tâm là yếu tố quyết định thực tại. Như Kinh Hoa Nghiêm dạy: “ *Tất cả duy tâm tạo tâm tạo”* hay kinh tạng Nguyên thủy có ghi *“Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo”*[12]. trong kinh Kim Cương cũng có câu *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như chớp, nên thường quán như vậy”.* Tuy câu chữ có nhiều được xếp đặt theo từng giai đoạn của thời kỳ Phật giáo do sự phân chia thời gian nhưng ý nghĩa nội hàm vẫn còn nguyên bản. Cho nên, khi một người liên tục niệm danh hiệu Phật với lòng tin kiên cố, họ sẽ dần dần đồng hóa với những phẩm hạnh của Phật, từ bi và trí tuệ sẽ phát triển, đồng thời sân hận và tham ái sẽ giảm dần.

Cực lạc – Một mô hình giáo dục giác ngộ

Có người thắc mắc: Nếu Niết Bàn là cánh tối hậu thì tại sao lại cần đến một cảnh giới như Cực Lạc? Thực tế, Cực Lạc không phải là cứu cánh hoàn toàn mà là phương tiện tạm thời dành cho chúng sinh mọi căn cơ khế hợp.

Trong Kinh Pháp Hoa , ba Xe là phương tiện nhiếp hóa để giúp chúng sinh tìm về bản thể, dưới hình tướng thỏa mãn tâm ham thích, không bỏ. Bởi các pháp lấy giáo dục làm gốc, lấy cảm làm hòa hợp, lấy thọ làm dẫn khởi, lấy tư tưởng làm hiện hữu, nhận niệm làm thượng thủ, lấy định làm tiền đạo, lấy khôn làm vô thượng, nhận giải thoát làm chắc thật, nhận Niết Bàn làm cứu kính. Có nghĩa, cực lạc không phải là điểm đến cuối cùng, mà là một trạm dừng trên con đường đi đến Niết Bàn, nhập vào Phật tính. Phật dạy rằng các pháp đều có những nguyên tắc vận hành: dục là gốc, xúc tạo hòa hợp, thọ dẫn khởi, tư tưởng hiện hữu, niệm làm chủ đạo, định đầu, tuệ là vô thượng, giải thoát là chân lý, và Niết Bàn là rốt ráo.

“Chẳng đời này hoặc cõi đời sau,

Cực lạc dành cho những kẻ nà

Không tạo tác nên nhiều phước nghiệp,

Song đời này lẫn cõi đời sau,

Để dành cực lạc cho bao kẻ

Làm các thiện hành phước nghiệp cao”[13].

Cực lạc trong kinh điển nguyên thủy được miêu tả trong khái niệm thiện lành, phúc nghiệp. Tuy nhiên, nếu quán chiếu bản chất vô thường, cơn đau của thế

gian, chúng sinh sẽ hiểu rằng Cực lạc chính là đối lập với thế giới ngũ trược này. Ở Cực Lạc, pháp âm vang vọng không dứt, giúp người tu tập luôn giữ niệm, tránh xa các niệm và tà niệm. Những hình ảnh như lâu đài bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê… không chỉ mang ý nghĩa vật chất mà còn biểu tượng cho các phương tiện thiện, giải pháp xuất thế, như kinh Pháp Hoa mô tả về Hóa thành.

Tất cả chúng sinh, dù thực hành Tỉnh giác, đều có thể trở thành Bồ Tát (hữu tình giác), giống như con đường mà đức Phật đã đi qua trong vô lượng kiếp tu tập. Khi tâm trí còn được chi phối bởi tham, sân, si và vô minh che lấp, chúng sinh vẫn bị hạn cuộc trong vòng xoay luân hồi. Nhưng nếu một hành giả thiết lập được tâm tứ vô lượng, họ sẽ vượt lên cõi phàm, bước vào con đường tu hành của bậc Thánh, phát tâm lợi ích cho chúng sinh, gọi là Bồ Tát. Theo quy luật nhân quả, nếu liên tục huân tập an lạc, hạnh phúc qua thời gian, chắc chắn sẽ hái được quả giác ngộ.

Đức Phật cũng từng là một chúng sinh bình thường, nhưng nhờ tích lũy công đức và trí tuệ qua vô lượng phúc mà thành Phật quả. Nếu cho rằng chỉ riêng đức Phật có thể đạt được giác ngộ, còn bản thân chúng ta không thể thì đó chính là tự mình hạn lượng sự giải thoát của mình và người. Điều này cũng giống như người giáo viên đứng trên bục giảng chỉ để cho học trò mãi là học trò thay vì nhân rộng tinh thần giáo dục và tự giáo dục.

Việc niệm danh hiệu Phật chính là niệm về tính giác, niệm về Phật khắp mười phương phương nên đầy đủ nghĩa vô lượng công đức. Nhật Liên Đại Sư, bậc Thánh tăng Nhật Bản (1222 - 1282), đã phát minh ra tam đại bí pháp, nhấn mạnh vào việc chuyên trì tụng bảy chữ "Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", xem công đức không khác gì trì tụng toàn bộ kinh. Ở Tây Tạng, pháp tu này cũng xuất hiện dưới hình thức trì tụng danh hiệu đức Phật Dược Sư hoặc đức Quán Thế Âm. Điều này cũng tương tự như pháp môn niệm Phật Tịnh Độ, dù danh thắng có khác nhau nhưng bản chất và công đức như nhau. Nếu so sánh với Thiền tông, ta sẽ thấy rằng cả hai pháp môn đều hướng đến sự định tâm và phá chấp. Trong khi Thiền tông nhấn mạnh vào sự trực nhận bản tâm thông qua công án và quán chiếu, thì niệm Phật sử dụng danh hiệu Phật làm phương tiện để đạt đến sự an định. Do đó, hai pháp môn này không đối lập mà hỗ trợ lẫn nhau trong sự bình đẳng giải thoát.

Tương tự, trong Mật tông, việc trì chú cũng có công năng tương tự với niệm Phật, giúp người hành trì định tâm và kết nối với năng lượng của chư Phật. Điều này cho thấy rằng, dù hình thức có khác nhau, nhưng bản chất của tất cả các pháp môn Phật giáo đều không nằm ngoài mục tiêu giúp chúng sinh thoát khổ và đạt đến giác ngộ.

Phật giáo Nguyên thủy nhấn mạnh tự chuyển hóa tâm để đạt được giải thoát. Giá trị của thế giới cũng được xác định bởi trạng thái nội tâm của con người – hạnh phúc hay đau khổ, mê hay ngộ, phàm hay Thánh. Pháp môn Tịnh Độ chính là con đường giúp con người đạt đến sự thanh tịnh ngay trong đời sống hiện thực. Dù Đại thừa hướng đến giải quyết tối hậu, nhưng vẫn đạt được việc thanh lọc xã hội làm lý tưởng. Do đó, pháp môn niệm Phật là một giải pháp trung hòa giữa lý tưởng và thực tế, giúp chúng sinh không xa rời cuộc sống mà vẫn hướng về giác ngộ.

Một số quan điểm cho rằng pháp môn này chỉ dành cho những người già, ít học nhưng thực tế, để đạt đến trạng thái tâm bất loạn hay Niệm Phật Tam Muội là điều không dễ dàng, ngay cả với những bậc tri thức cũng không thể dựa vào kiến thức mà thâm nhập. Phật giáo không phải là học thuyết có thể phân tích bằng khoa học, cũng không phải là hệ thống lọc tinh khiết mà là con đường thực nghiệm, chỉ khi tự mình hành động mới có thể dễ hiểu. Nếu chỉ bám vào ngôn ngữ, văn tự mà không thực hiện thì Đạo Phật chỉ còn là một điều xác thực, mất đi tinh thần độ sinh chân chính.

Những quan điểm thu hẹp, chấp trước theo hình thức sẽ không thể đưa ra Phật giáo đến cánh cửa giải thoát. Nhìn nhận Đạo Phật một cách chủ quan và thiên lệch chính là đưa Phật giáo vào suy thoái, mạt pháp tức là hiểu biết các pháp trên ngọn thay vì tìm về cội nguồn. Bản chất của tất cả các pháp môn đều hướng đến một mục tiêu duy nhất: thành Phật. Như Kinh Pháp Hoa đã nói: *“Chư Phật chỉ có một xe duy nhất để đưa ra giải thoát, không hai cũng không ba”*. Nên nói, trong từng pháp môn tu học của 84000 phương tiện mà Phật Thích Ca tha thiết chỉ bày, thì mỗi mỗi đều đủ tín nguyện hạnh để tới khi thành tựu. Không riêng gì tịnh độ mới có tín nguyện hạnh như sự lầm tưởng lâu nay trong tâm thức người học Phật nửa chừng.

Pháp môn niệm Phật và thực tại nhân sinh

Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển, nhịp sống trở nên gấp gáp, con người bị cuốn vào vòng xoáy của công việc, lo toan, áp lực. Mất đi những không gian rộng lớn như thời đức Phật còn tại thế, cũng không dễ dàng tập trung tu học ở các khu rừng yên tĩnh như xứ Kuru ngày xưa nhưng nhu cầu tìm kiếm sự an toàn và giải quyết vấn đề vẫn như vậy.

Pháp môn niệm Phật xuất hiện như một giải pháp phù hợp với thời đại, dung hợp giữa con người và cuộc sống. Nhiều nghiên cứu khoa học cũng đã chỉ ra rằng việc lặp lại một câu chú hay danh hiệu có thể giúp giảm stress và tăng cường khả năng kiểm soát cảm xúc. Điều này cho thấy rằng niệm Phật không chỉ có giá trị về mặt tâm linh mà còn có lợi ích thực tế trong việc cân bằng tâm

lý và sức khỏe.

Không chỉ vậy, pháp môn này còn phản ánh ánh sáng từ bi vô lượng của đức Phật Thích Ca. Sự xuất hiện của pháp môn niệm Phật không phải là một sự ngẫu nhiên mà là một sự sắp xếp đầy trí tuệ trong hệ thống xuyên suốt, nhất quán.

Vì vậy, điều quan trọng không nằm ở chỗ tranh cãi pháp môn nào cao, pháp môn nào thấp, mà ở chỗ chúng ta có thực hành hay không. Nếu bỏ lỡ môn niệm Phật, đồng nghĩa với việc bỏ qua một cơ hội để giải thoát. Bởi vì như kinh giảng: *"niệm niệm không rời thì vãng sinh chắc chắn. Giống như người đi đường hễ bước nhanh thì đến sớm, bước chậm thì đến trễ, phải nên dụng tâm như thế"* [14].

Theo Kinh A Di Đà, bất cứ ai niệm danh hiệu Phật với lòng tin kiên cố đều có thể vãng sinh về cõi Cực Lạc, nơi không còn khổ đau và luân hồi. Điều này không có nghĩa là một niềm tin mù quáng hay một hình thức cầu nguyện thụ động, mà là một sự thực hành dựa trên quy luật nhân quả. *"Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chính kiến, chính tín, chính hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm nghìn thần bảo hộ rồi. Giống như quốc vương, Đại thần của quốc vương có trăm nghìn người hộ vệ một người. Ở đây cũng như vậy, người tu hành pháp thiện, đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm nghìn thần hộ vệ"*[15].

Khi tâm an trú trong danh hiệu Phật, hành giả sẽ tự nhiên phát triển các phẩm hạnh cao đẹp như từ bi, hỷ xả và trí tuệ. Những phẩm hạnh này chính là nền tảng để đạt đến sự giải thoát, không chỉ trong đời sau mà ngay trong hiện tại. Trong thời đại đầy biến động như ngày nay, niệm Phật không chỉ là một con đường tâm linh mà còn là một phương pháp giúp con người sống an vui và ý nghĩa hơn.

Niệm Phật không chỉ đơn thuần là một phương pháp tu tập, mà còn là một nét đẹp trong đời sống tinh thần của người con Phật. Tại miền Bắc Việt Nam, hình ảnh những cụ già nơi cửa chiền, sáng chiều chắp tay niệm Phật, đã trở thành một truyền thống lâu đời. Họ niệm Phật khi gặp gỡ, niệm Phật lúc tạm biệt, niệm Phật trong mọi duyên sự của đời sống. Điều này không chỉ thể hiện niềm tin sâu sắc vào đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc mà còn là sự thực hành đưa tâm về với tịnh lạc, giác ngộ.

Thế nhưng, trong dòng chảy tư tưởng hiện đại, không ít quan điểm thiên kiến đã xuất hiện, phủ nhận pháp môn niệm Phật, xem đó như một pháp môn dành cho những người thiếu trí tuệ, không phù hợp với tinh thần tự lực trong Phật giáo.

Những nhận định này vô tình gây ra sự hoang mang, lay chuyển tín tâm của những người tu tập theo Tịnh độ, khiến họ cảm thấy như rơi vào vực thẳm giữa những ngờ vực và bất tín.

Tuy nhiên, Phật pháp vốn bao dung như hư không có thể dung chứa vạn vật, như mặt đất có thể nuôi dưỡng muôn loài. Chỉ cần hành giả khế hợp với chân lý Nhất Như, thì bất cứ công hạnh nào cũng đều là phương tiện đưa đến giác ngộ. Bản thể và sự tướng, phương tiện và trí tuệ Bát Nhã, chân không và diệu hữu—tất cả đều không thể tách rời, mà tương hỗ, bổ trợ lẫn nhau.

Kinh Pháp Hoa dạy rằng, “tam thừa quy nhất” nghĩa là gom ba thừa về một con đường duy nhất, và muôn nẻo thiện lành đều hướng về Bồ Đề. Trong Bát Nhã, mọi pháp vốn không hai, nên dù hành trì theo cách nào, nếu xuất phát từ tâm thanh tịnh, tất cả đều quy về Nhất Thiết Chủng Trí. Đức Phật từng dạy rằng, biết rõ ba đời chỉ trong một niệm, nhưng Ngài vẫn tùy thuận chúng sinh, dùng vô số phương tiện thiện xảo, trải qua vô lượng kiếp số để giáo hóa, mở ra muôn nẻo để chúng sinh có thể giải thoát khỏi ba cõi.

Ví như những con thuyền qua sông, mỗi chiếc có hình dáng khác nhau nhưng đều cùng một mục đích là đưa hành giả đến bờ giác ngộ, thì đâu có lý do gì để so sánh cao thấp, để tranh cãi đúng sai mà làm tổn giảm thời gian quý báu. Sự đời cũng như vậy, cần rộng tâm quán xét, không để những quan niệm thiên kiến khiến Phật pháp bị chia rẽ hay hiểu sai lệch.

Từ những vấn đề trên, có thể thấy rằng, trong bối cảnh hiện nay, trách nhiệm của những bậc xuất gia, những người con Phật là phải xác định rõ ràng đường lối tu tập, giữ vững chính kiến, tiếp nối sứ mạng hoằng dương chính pháp một cách trung thực, không thiên lệch. Chỉ khi ấy, Phật giáo mới có thể duy trì bản hoài độ sinh, mang lại lợi ích chân thật cho tất cả chúng sinh.

Con đường hoằng hóa của chư Phật, chư Tổ trong lịch sử chưa bao giờ dừng lại ở việc tuyên thuyết giáo pháp, mà luôn được thể hiện qua sự truyền cảm sâu xa từ nơi niềm tin chân thực (Tín), chí nguyện rộng sâu (Nguyện) và hành trì miên mật (Hạnh). Dù được xiển dương rõ nét trong pháp môn Tịnh độ, ba yếu tố này không phải là độc quyền của một pháp môn, mà chính là nền tảng xuyên suốt mọi con đường tu tập cũng như mọi hành động chuyển hóa trong cuộc sống.

Trong thời đại đầy bất ổn, nơi con người dễ rơi vào hoài nghi, phân mảnh lý tưởng và thiếu kiên trì hành động, Tín–Nguyện–Hạnh không chỉ là kim chỉ nam tâm linh, mà còn là mô hình phát triển nhân cách, đạo đức và trí tuệ xã hội. Người hoằng pháp chân chính không thể thiếu niềm tin nơi Phật pháp, nguyện lực vì chúng sinh và hành động thiết thực giữa đời. Người xây dựng hạnh phúc

thế gian cũng vậy – cần có niềm tin vào điều lành, có mục tiêu sống có ý nghĩa, và nỗ lực không ngừng.

Từ đó có thể thấy, Tín–Nguyện–Hạnh không chỉ là lối vào Tịnh độ, mà là lối đi ra khỏi mê lộ thế gian, là trụ cột trong sự thành tựu của bất kỳ hành giả hay con người nào mong cầu giác ngộ, hạnh phúc, và sự khai sáng chân tâm. Việc tái xác lập vai trò trung tâm của Tín–Nguyện–Hạnh trong lý tưởng hoằng pháp không phải là trở về với niềm tin mù quáng, mà là một sự phục hưng năng lực nội tâm – nơi giáo pháp không nằm ở biện luận mà nằm ở sự sống chân thực.

Vì thế, dù hoằng hóa theo pháp môn nào – Thiền, Giáo, Mật hay Tịnh – con đường chân thật vẫn là con đường đi qua ba cột trụ ấy. Chỉ có niềm tin vững chắc, nguyện lực không thối chuyển, và hành trì kiên cường mới có thể kết nối đạo vào đời, Phật pháp với nhân sinh, quá khứ giác ngộ với tương lai giải thoát.

Thích nữ Bảo Giác

***

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tăng Chi Bộ 1, Chương I Một Pháp XVI. Phẩm Một Pháp, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1996, Trang 64.

[2] Hán Dịch: Tam Tạng Tăng-Già-Đề-Bà, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trung A-Hàm Tập 2, 202. Kinh Trì Trai, Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, Trang 479.

[3] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tiểu Bộ 7, Chương XII. Phẩm Mười Hai Bài Kệ 469. Chuyện Đại Hắc Thiên Cẩu, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 2002, Trang 702.

[4] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Trường Bộ 2, 17. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991, Trang 9.

[5]

[6] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tăng Chi Bộ 1, Chương I Một Pháp VII. Phẩm Tinh Tấn, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1996, Trang 28.

[7] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tăng Chi Bộ 1, Chương I Một Pháp XVI. Phẩm Một Pháp, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1996, Trang 64.

[8] Tỷ-kheo Thích Quang Nhuận, Phật học khái lược 2, 18. Lịch Sử Phật Giáo Trung Hoa (Các Thời Kỳ Suy Vong), Tôn Giáo, Hà Nội, 2004, Trang 222.

[9] Nguyên bản: Pali - Việt Dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu, Kinh Tương Ưng Bộ 2013 - Tập II, V. Phẩm Mới Và Cũ, Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, Trang 225.

[10] Nguyên bản: Pali - Việt Dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu, Kinh Tương Ưng Bộ 2013 - Tập II, V. Phẩm Mới Và Cũ, Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, Trang 225.

[11] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tăng Chi Bộ 3, Chương VI Sáu Pháp III. Phẩm Trên Tất Cả, Tôn Giáo, Hà Nội, 2005, Trang 62.

[12] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Kinh Tiểu Bộ 1, Pháp Cú, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam,TP. Hồ Chí Minh, 1999, Trang 32.

[13] Hòa Thượng Thích Minh Châu, Kinh Tiểu Bộ 2015 - Tập I, Phẩm II: Cittalatā, Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, Trang 633.

[14] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 172, Bộ Chư Tông XII, Số 1970- 1985, Số 1974- Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trực Chỉ, Quyển Hạ, Hội Văn Hoá Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, Trang 417.

[15] Hán Dịch: Phật Đà Da Xá Trúc Phật Niệm, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trường A - Hàm Tập 1, 30. Kinh Thế Ký, Tôn Giáo, Hà Nội, 2007, Trang 656.